

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2024/DS-ST

Ngày: 12-9-2024

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa* phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Văn Phước
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp
- **Thư ký phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa**: Ông Lê Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 895/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ trụ sở: 266 - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Tú Q, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Số A, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ A, khu V, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Q có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do bà Trần Tú Q trình bày:*

Ngày 24/08/2022, bà Nguyễn Thị T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với hạn mức đề nghị 20.000.000 đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và phiếu cấp mã QR xem Biểu phí, Điều khoản, Điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Sau đó có giấy đề nghị ngày 29/8/2022 nâng hạn mức tín dụng cấp thẻ với số tiền 50.000.000 đồng. Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng bà Nguyễn Thị T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 49.445.000 đồng.

Kể từ khi sử dụng và kích hoạt thẻ từ ngày 22/09/2022 đến ngày 10/11/2022 bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 684.765 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, tại trang W). Qua thời gian sử dụng thẻ bà Nguyễn Thị T đã không thanh toán thêm cho Ngân hàng. Ngân hàng nhiều lần đã làm việc, đôn đốc nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 13 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là 95.948.962 đồng (chín mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi hai đồng) gồm nợ gốc 54.453.703 đồng, tiền lãi 41.495.259 đồng và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngoài ra không yêu cầu hay trình bày gì khác.

** Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt không có ý kiến.*

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện ngày 15/01/2024; Giấy ủy quyền tham gia tố tụng (ông Lê T1, bà Trần Tú Q) ngày 15/01/2024; Căn cước công dân ông Lê T1, bà Trần Tú Q; Quyết định số 1095/2023/QĐ-QTNNL ngày 22/3/2023 v/v tái bổ nhiệm nhân sự; Quyết định số 3979/2022/QĐ-NS ngày 30/6/2022 v/v tái bổ nhiệm nhân sự; Quyết định số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 v/v ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP S; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh -; Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh; Tờ trình cấp thẻ tín dụng cá nhân; Tờ trình cấp thẻ tín dụng; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; CMND, sổ hộ khẩu, thẻ bảo hiểm y tế bà Nguyễn Thị T; Báo cáo thông tin quan hệ tín dụng số 2022/R11A; Hợp đồng lao động; Hình ảnh nhà bà Nguyễn

Thị T; Tóm tắt sao kê; Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng; Phụ lục; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng; Tờ trình 2023; Điều lệ ngân hàng; Bản tự khai ngày 27/6/2024, ngày 02/8/2024; Tóm tắt sao kê ngày 27/6/2024; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ 22/4/2021; Biên bản xác minh ngày 15/7/2024; Biên bản ghi nhận sự việc ngày 15/7/2024, giấy đề nghị ngày 29/8/2022, tóm tắt sao kê ngày 02/8/2024, ngày 12/9/2024.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và phiếu cấp mã QR xem Biểu phí, Điều khoản, Điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 24/08/2022 giữa bà Nguyễn Thị T ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng). Sau đó có ký giấy đề nghị nâng hạn mức tín dụng cấp thẻ ngày 29/8/2022 với số tiền 50.000.000 đồng. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng cho bà T với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng bà Nguyễn Thị T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 49.445.000 đồng.

Kể từ khi sử dụng và kích hoạt thẻ từ ngày 22/09/2022 ngày 10/11/2022 đến bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 684.765 đồng, đến ngày 05/04/2023 Ngân hàng đã chuyển qua thành nợ quá hạn theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc mời bị đơn lên làm việc, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng phía bị đơn bà T vắng mặt xem như trốn tránh việc thanh toán nợ.

Do đó, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tạm tính đến ngày 12/9/2024 tổng cộng 95.948.962 đồng (chín mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi hai đồng) gồm nợ gốc 54.453.703 đồng, tiền lãi 41.495.259 đồng và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về án phí: Bà T chịu tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T nhưng bà T vắng mặt; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

Xét theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/8/2022, sau đó có ký Giấy đề nghị ngày 29/8/2022 nâng hạn mức tín dụng cấp thẻ với số tiền 50.000.000 đồng giữa Ngân hàng TMCP S và bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và giấy đề nghị ngày 29/8/2022 cùng các chứng cứ khác trong hồ sơ cũng như lời trình bày của nguyên đơn, xác định có việc giao kết hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn.

Bà T đăng ký mở thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng. Việc đăng ký mở thẻ tín dụng và phát hành thẻ tín dụng đã được Ngân hàng và khách hàng thỏa thuận ký kết, giải thích việc sử dụng và thanh toán, các khoản phí vượt hạn mức, phạt lãi để hiểu và sử dụng cũng như chịu trách nhiệm thanh toán, bà T cũng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc mời bị đơn bà T lên làm việc, tiến hành xác minh, liên hệ trực tiếp tại địa phương nhưng không làm việc được với bà T; thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng phía bị đơn bà T vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật nên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà T thanh toán số tiền nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/8/2022, Giấy đề nghị ngày 29/8/2022 tạm tính đến ngày 12/9/2024 là 95.948.962 đồng (chín mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi hai đồng) gồm nợ gốc 54.453.703 đồng, tiền lãi 41.495.259 đồng.

Bà T phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP S kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 4.797.448 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.935.537 đồng theo biên lai số 0015877 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 103 và Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc 54.453.703 đồng và tiền lãi 41.495.259 đồng, tổng cộng 95.948.962 đồng (chín mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi hai đồng).

Bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng kể từ ngày 13/9/2024 trở đi cho đến khi thi hành xong nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 4.797.448 đồng (bốn triệu bảy trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm bốn mươi tám đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.935.537 đồng theo biên lai số 0015877 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (4).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc An